TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **196**/2025/HS-PT
Ngày: 17/4/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo Dư Thị M về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" "Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức"*. Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Bị cáo có kháng cáo:

Dư Thị M; sinh ngày 09/10/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: B L, Quận A, TP Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; con ông Dư C, sinh năm 1945 và bà Võ Thị L, sinh năm 1954; chồng là Trần Ngọc Anh Q, sinh năm 1971 và 01con (sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 21/12/2023 đến nay. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn B – Luật sư của Văn phòng L2 – Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

+ Bà Nguyễn Thị Tấn N, sinh năm 1959; Cư trú tại: C Q, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1985; Cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị Tấn N *và chị* Nguyễn Thị Kim N1*:*

1. Ông Bùi Văn P – Luật sư của Công ty L3 – Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

2. Ông Trương Công N2 - là Luật sư của Văn phòng L4 – Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

+ Anh Nguyễn An V, sinh năm 1982; Cư trú tại: Cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp anh Nguyễn An V*:*

1. Ông Bùi Văn P – Luật sư của Công ty L3 – Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

2. Ông Trương Công N2 - là Luật sư của Văn phòng L4 – Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

+ Ông Nguyễn An T, sinh năm 1953; Cư trú tại: Cư trú tại: C Q, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:

+ Chị Huỳnh Thị P1, sinh năm 1977; Cư trú tại: 2 N, Tổ B, Khóm B, phường M, Tp L, tỉnh An Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Thu D, sinh năm 1964; Cư trú tại: 0 N, Tổ B, Khóm B, phường M, Tp L, tỉnh An Giang, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; Cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án được tóm tắt theo bản án sơ thẩm như sau:

Dư Thị M và anh Nguyễn An V có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau. Mặc dù M đã kết hôn với anh Trần Ngọc A Q nhưng M không nói cho anh V biết mà lại nhờ 01 người (không xác định được lai lịch) làm giả Giấy xác nhận trình trạng hôn nhân số 481/UBND-XNTTHN ngày 14/02/2022 của UBND phường A1, quận F, TP . để đăng ký kết hôn với anh V vào ngày 23/3/2022 tại U, huyện P, tỉnh Bình Định.

Tại Bản kết luận giám định số: 443/KL-KTHS ngày 09/10/2023 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận: Hình dấu tròn dưới mục "NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A (giấy xác nhận trình trạng hôn nhân số: 481/UBND-XNTTHN ngày 14/02/2022 của UBND phường

A1, quận F, TP .) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 (công văn số 815/UBND ngày 02/8/2023 của UBND phường A1, quận F, TP ., do Chủ tịch phường T ký tên, đóng dấu), M2 (công văn số 921/UBND ngày 06/9/2023 của UBND phường A1, quận F, TP . do Chủ tịch phường N ký tên, đóng dấu) là không do cùng một con dấu đóng ra.

Ngoài ra, trong thời gian sống chung với anh V tại huyện P từ tháng 12/2021 đến tháng 7/2022, để có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân, mua đồ dùng sinh hoạt, mua quà tặng cho gia đình anh V, sửa chữa quán cà phê "Đại Lộc" ở đường C, thôn K, xã C, huyện P thì Dư Thị M đưa ra nhiều thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác như cha ruột bị bệnh nặng cần tiền điều trị, cần tiền mua hàng hóa… để hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị Tấn N (mẹ ruột anh V) và chị Nguyễn Thị Kim N1 (em ruột anh V). Tin lời, bà N và chị N1 nhiều lần cho M vay tiền và bị M chiếm đoạt với số tiền 1.987.500.000 đồng, cụ thể:

1. Đối với chị Nguyễn Thị Kim N1

Dư Thị M đưa ra thông tin gian dối là cha ruột bị bệnh nặng cần tiền điều trị, cần tiền mua hàng để hỏi mượn tiền chị N1. Tin lời, chị N1 có 04 lần chuyển khoản với số tiền 350.000.000 đồng (ngày 30/12/2021 chuyển 50.000.000 đồng, ngày 07/01/2022 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 14/01/2022 chuyển 70.000.000 đồng, ngày 20/01/2022 chuyển 200.000.000 đồng) vào tài khoản Ngân hàng của bà Trần Thị Thu D theo yêu cầu của M; 09 lần chuyển khoản với số tiền 717.500.000 đồng (ngày 14/02/2022 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 24/02/2022 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 01/3/2022 chuyển 150.000.000 đồng, ngày 05/5/2022 chuyển 150.000.000 đồng, ngày 09/5/2022 chuyển 200.000.000 đồng, ngày 20/5/2022 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 21/5/2022 chuyển 80.000.000 đồng, ngày 27/5/2022 chuyển 47.500.000 đồng, ngày 29/5/2022 chuyển 20.000.000 đồng) vào tài khoản Ngân hàng của bà Huỳnh Thị P1 theo yêu cầu của M; 03 lần chuyển khoản với số tiền 70.000.000 đồng(ngày 23/02/2022 chuyển 15.000.000 đồng, ngày 26/5/2022 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 20/7/2022 chuyển 50.000.000 đồng)vào tài khoản Ngân hàng của anh Nguyễn An V theo yêu cầu của M, nhưng số tiền Mỹ thực nhận từ anh V chỉ là 50.000.000 đồng, còn số tiền 20.000.000 đồng anh V không đưa cho M mà tự ý giữ lại tiêu xài nên xác định số tiền 20.000.000 đồng này M không chiếm đoạt của chị N1. Như vậy, M chiếm đoạt của chị N1 tổng cộng là 1.117.500.000 đồng.

2. Đối với bà Nguyễn Thị Tấn N

Dư Thị M đưa ra thông tin gian đối là cha ruột bị bệnh nặng cần tiền chữabệnh nên hỏi mượn tiền bà N. Tin lời, bà N có 04 lần đến tiệm V1 của ông Lâm Quang T2 ở TT. N, huyện P bán vàng được 870.000.000 đồng và nhờ ông Trung chuyển số tiền 870.000.000 đồng (ngày 10/02/2022 chuyển 200.000.000 đồng, ngày 01/3/2022 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 06/4/2022 chuyển 470.000.000 đồng và ngày 02/6/2022 chuyển 100.000.000 đồng) vào tài khoản

Ngân hàng của bà Huỳnh Thị P1 theo yêu cầu của Mỹ. Như vậy, M chiếm đoạt của bà N tổng cộng là 870.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

1.Về hình phạt và tội danh: Bị cáo Dư Thị M 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của 02 tội, bị cáo Dư Thị M phải chấp hành hình phạt chung là 12 (mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2023.

2. Về bồi thường thiệt hại: buộc bị cáo Dư Thị M phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim N1 1.117.500.000 đồng; bồi thường số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị Tấn N là 370.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2024 bị cáo Dư Thị M kháng cáo kêu oan; vào các ngày 30/11/2024 và 06/12/2024 lần lượt các bị hại là chị Nguyễn Thị Kim N1 và bà Nguyễn Thị Tấn N kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, xem xét việc bỏ lọt tội phạm; ngày 05/12/2024 và ngày 09/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn An V kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, xem xét lại phần trách nhiệm dân sự, xem xét việc bỏ lọt tội phạm; ngày 09/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn An T có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, kháng cáo phần trách nhiệm dân sự và xem xét việc bỏ lọt tội phạm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo và những người kháng cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Dư Thị M *trình bày*: đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chỉ xử phạt bị cáo về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; đối với hành vi chiếm đoạt của bị cáo là không có cơ sở để kết tội lừa đảo chiếm đoạt nên vụ việc này chỉ nên giải quyết bằng vụ án dân sự, có trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn An Vĩnh .

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà* Nguyễn Thị Tấn N, *chị* Nguyễn Thị Kim N1 *và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh* Nguyễn An V *trình bày*: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xem xét lại số tiền 500 triệu đồng không phải là tiền khắc phục, phần trách nhiệm dân sự trong vụ án tách phần 250 triệu đồng và 200 triệu đồng vay của bà L1 đưa cho bị cáo để giải quyết sau; và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn An T đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo M, đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự, hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Bị hại bà Nguyễn Thị Tấn N, chị Nguyễn Thị Kim N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn An V đều thống nhất với quan điểm bảo vệ của luật sư.

Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật; bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo tuy nhiên không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo Dư Thị M và kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị Kim N1 và bà Nguyễn Thị Tấn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn An V và ông Nguyễn An T là đảm bảo đúng hình thức, còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dư Thị Mỹ G nguyên nội dung kháng cáo kêu oan và cho rằng trong thời gian sinh sống với anh Nguyễn An V có đăng ký kết hôn và việc vay mượn tiền của các bị hại có sự bàn bạc với anh V, có sử dụng tài khoản ngân hàng của anh V để nhận tiền. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra đều xác định anh V không liên quan gì đến việc chiếm đoạt tài sản của bị cáo, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh V. Đến khi mở phiên tòa sơ thẩm ngày 22/8/2024 bị cáo thay đổi lời khai cho rằng việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại là có bàn bạc với anh V từ trước nhưng bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng đã thừa nhận có vay mượn số tiền của các bị hại như bản án sơ thẩm xác định là đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: bị cáo nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là cha ruột bị bệnh nặng cần tiền chữa bệnh để hỏi mượn tiền của bà N và chị N1 làm cho bà N và chị N1 tin là thật nên nhiều lần cho bị cáo vay mượn tiền và bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền tổng cộng là 1.987.500.000 đồng và kết bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan như kháng cáo kêu oan của bị cáo, cũng như quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo.

[2.2]. Ngoài ra, bị cáo Dư Thị M còn có hành vi làm giả Giấy xác nhận trình trạng hôn nhân để kết hôn với anh Nguyễn An V nên bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên" nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ hình sự: số tiền 500.000.000 đồng, là những tài sản do bị cáo M đầu tư vào quán cà phê, mua sắm vật dụng gia đình, số tiền này được trừ vào tiền mà M chiếm đoạt là nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp; quá trình điều tra bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và nhận số tiền chiếm đoạt 1.987.500.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ có thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi lời khai kêu oan, có thái độ không ăn năn hối cải và mức hình phạt đối với bị cáo có phần chưa nghiêm. Do đó, HĐXX phúc thẩm xét cần thiết tăng một phần hình phạt đối với bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm khắc, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[2.4]. Đối với kháng cáo đề nghị xem xét lại số tiền bị cáo chiếm đoạt thì thấy: bị hại chị Nguyễn Thị Kim N1 cho rằng, ngoài khoản tiền 1.117.500.000 đồng đã được Cơ quan điều tra chứng minh và bị cáo thừa nhận thì chị còn chuyển cho anh Nguyễn An V 250.000.000 đồng để anh V đưa cho bị cáo M, chị vay của chị Trần Thị L1 200.000.000 đồng để đưa cho bị cáo. Tuy nhiên, số tiền 250.000.000đ chị N1 chuyển cho anh V và 200.000.000đ chị N1 vay của chị L1 để đưa cho bị cáo M không được bị cáo thừa nhận và tại phiên tòa phúc thẩm, chị N1, bà N và người có quyền và nghĩa vụ liên quan cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh số tiền này. Xét, đây là vụ án hình sự, xét xử trong phạm vi Viện kiểm sát truy tố, trường hợp bị hại có tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền chiếm đoạt trên thì có quyền thực hiện yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ tài sản hợp pháp của mình theo quy định pháp luật.

[2.5] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, theo quy định tại khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự thì yêu cầu kháng cáo của họ không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của họ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, tăng một phần hình phạt đối với bị cáo, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dư Thị M; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn An V, ông Nguyễn An T; chấp nhận kháng cáo của các bị hại là chị Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Tấn N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần hình phạt.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dư Thị M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

3. Về hình phạt:

3.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dư Thị M 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3.2. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dư Thị M 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

3.3 Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Dư Thị M phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2023.

4. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585; 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Dư Thị M phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim N1 1.117.500.000 đồng và bồi thường số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị Tấn N là 370.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Dư Thị M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Dư Thị M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Võ Thị Ngọc Dung